

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: 92/2025/DNNK-SVIBM

Chứng nhận sản phẩm:

GẠCH GỐM ỐP LÁT

Kiểu loại: Chi tiết tại phụ lục đính kèm

Đơn vị sản xuất:

PT. SUN POWER CERAMICS

Address: Kawasan Ngoro Industrial Persada Block R-2A, Mojokerto, East Java, Indonesia.

Đơn vị nhập khẩu:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát

Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy

Phương thức đánh giá:

Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

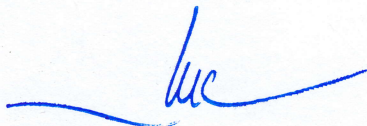
Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024



Giấy chứng nhận và dấu hợp quy có giá trị sử dụng kể từ 08/08/2025 đến hết 07/08/2028

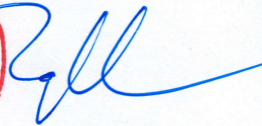
TRƯỞNG VĂN PHÒNG



Phạm Đức Nhuận

Tp.HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC PHÂN VIỆN



Nguyễn Hữu Tài

Số: 92.26/QĐMRCN-SVIBM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Chứng nhận chất lượng sản phẩm

- Căn cứ Điều 52 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD ngày 30/06/2023 và Thông tư 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Phân viện Vật liệu xây dựng miền Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-BXD ngày 16/12/2024 của Bộ Xây dựng về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm/ chứng nhận;
- Căn cứ kết quả thẩm tra Hồ sơ đánh giá;
- Xét đề nghị của Trưởng Văn phòng chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ sung danh sách sản phẩm được chứng nhận mở rộng theo Giấy chứng nhận hợp quy số **92/2025/DNNK-SVIBM** ngày **08/08/2025** cho sản phẩm: **Gạch gốm ốp lát**

Đơn vị sản xuất: PT. SUN POWER CERAMICS.

Địa chỉ nhà máy: Kawasan Ngoro Industrial Persada Block R-2A, Mojokerto, East Java, Indonesia.

Đơn vị nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam. **Phù hợp với Quy chuẩn QCVN 16: 2023/BXD - Nhóm sản phẩm Gạch gốm ốp lát**

Điều 2: PT. SUN POWER CERAMICS phải đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm với Quy chuẩn **QCVN 16:2023/BXD** trong quá trình sản xuất. Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy trên các sản phẩm đã được chứng nhận.

Điều 3: Quyết định số 92.26/QĐMRCN -SVIBM ngày **10/07/2026** và danh sách sản phẩm được chứng nhận mở rộng là một phần không thể tách rời của Giấy chứng nhận hợp quy số **92/2025/DNNK-SVIBM** ngày **08/08/2025**.

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu VT; VPCN.



GIÁM ĐỐC

TS. Lê Văn Quang

PHỤ LỤC / APPENDIX

DANH SÁCH SẢN PHẨM GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES LIST

Đơn vị nhập khẩu/ *Importer:*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT.
VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

(Kèm theo Quyết định mở rộng số: **92.26/QĐMRCN-SVIBM** ngày **10/07/2026** của Phân Viện Vật liệu xây dựng Miền Nam/ *According to decision No 92.26/QĐMRCN-SVIBM dated July 10, 2026*)

STT No.	Tên sản phẩm Product's name	Nhóm Group	Đặc tính bề mặt Surface Properties	Mã sản phẩm Code	Kích thước Dimension (cm)
1	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	MC 481013	400 x 800 x 9
2				MC 483003	400 x 800 x 9
3				GS 480003	400 x 800 x 9
4				GS 480005	400 x 800 x 9
5				GS 481007	400 x 800 x 9
6				GS 481032	400 x 800 x 9
7				GS 481029	400 x 800 x 9
8				GS 880006	800 x 800 x 9
9				GS 880007	800 x 800 x 9
10				GS 880008	800 x 800 x 9
11				GS 480009	400 x 800 x 9
12				GS 880009	800 x 800 x 9

13	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	GS 480006	400 x 800 x 9
14				GS 480007	400 x 800 x 9
15				GS 480008	400 x 800 x 9
16				GS 1260018	600 x 1200 x 9
17				GS 1260019	600 x 1200 x 9
18				GS 1260020	600 x 1200 x 9
19				GS 1260021	600 x 1200 x 9
20				MC 1222020	198 x 1200 x 9
21				MC 1224033	198 x 1200 x 9
22				MC 1222031	198 x 1200 x 9
23				MC 1222027	198 x 1200 x 9
24				GS 881046	800 x 800 x 9
25				GS 883011	800 x 800 x 9
26				GS 883010	800 x 800 x 9
27				M 36106	298 x 600 x 9
28				M 126106	600 x 1200 x 9
29				M 126158	600 x 1200 x 9
30				GS 1261319	600 x 1200 x 9

31	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	GS 880010	800 x 800 x 9
32				GS 480010	400 x 800 x 9
33				SS 886102	800 x 800 x 9
34				SS 486102	400 x 800 x 9
35				GS 883008	800 x 800 x 9
36				GS 483008	400 x 800 x 9
37				M 881319	800 x 800 x 9
38				M 881318	800 x 800 x 9
39				M 883013	800 x 800 x 9
40				MC 881323	800 x 800 x 9
41				MC 881320	800 x 800 x 9
42				GS 1263355	600 x 1200 x 9
43				M 1263356	600 x 1200 x 9
44				M 660038	600 x 600 x 9
45				M 1260022	600 x 1200 x 9
46				M 880011	800 x 800 x 9
47				GS 661188	600 x 600 x 9
48				GS 36115	298 x 600 x 9



49	Gạch gốm ốp lát Ceramic Tiles	B1a	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men Dry pressed glazed porcelain tiles	GS 126016	600 x 1200 x 9
50				GS 881000	800 x 800 x 9
51				GS 480000	400 x 800 x 9

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2026

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM



GIÁM ĐỐC
TS. Lê Văn Quang

